

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI KÌ I LỚP I
ĐỀ SỐ 1

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số thích hợp điền vào ô trống là: $\square + 4 = 7$

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 2. Tìm hình thích hợp để đặt vào dấu “?”



- A. B. C. D.

Câu 3. Các số: 4; 9; 3; 8 được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 4; 3; 8; 9 B. 3; 4; 8; 9 C. 9; 8; 4; 3 D. 3; 4; 9; 8

Câu 4. Các số: 0; 7; 5; 1; 10 được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 0; 1; 5; 7; 10 B. 1; 0; 5; 7; 10 C. 10; 7; 5; 1 D. 10; 5; 7; 1

Câu 5. Các số bé hơn 7 là:

- A. 4; 9; 6 B. 4; 2; 1 C. 3; 5; 8 D. 4; 9; 8

Câu 6. Hình vẽ bên có bao nhiêu hình vuông?

- A. 6 B. 5
C. 4 D. 3



PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Viết số thích hợp vào ô trống?

0			3	4	5		7		9	
10		8	7		5			2		0

Bài 2. Tính:

$10 - 4 = \dots\dots$

$4 + 3 + 2 = \dots\dots$

$4 + 5 = \dots\dots$

$10 - 4 - 3 = \dots\dots$

Bài 3. Nói:

$10 - 4$	$3 + 7$	$6 - 2$	$3 + 5$
10	6	8	4

Bài 4. Dựa vào tranh, viết phép tính thích hợp.



$$\square \bigcirc \square = \square$$

ĐỀ SỐ 2

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Kết quả của phép tính: $9 - 3 = ?$

- A. 2 B. 4 C. 6 D. 8

Câu 2. Số cần điền vào chỗ chấm của phép tính: $7 + 0 = 0 + \dots$ là:

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 3. Sắp xếp các số: 0; 5; 2; 10 theo thứ tự từ bé đến lớn:

- A. 0; 2; 5; 10 B. 10; 5; 2; 0 C. 5; 10; 2; 0 D. 5; 0; 2; 10

Câu 4. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm của $4 \dots 2 = 6$ là:

- A. + B. - C. =

Câu 5. Số lớn nhất có một chữ số là:

- A. 7 B. 8 C. 9 D. 10

Câu 6. Số cần điền trong dãy số: 1; ... ; 3; ... ; 5 là:

- A. 2; 4 B. 0; 2 C. 4; 6 D. 2; 6

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Điền số thích hợp vào ô trống:

Bài 2: Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $7 \dots 4$ $9 - 6 \dots 4$
b) $2 \dots 5$ $3 + 4 \dots 5 + 2$

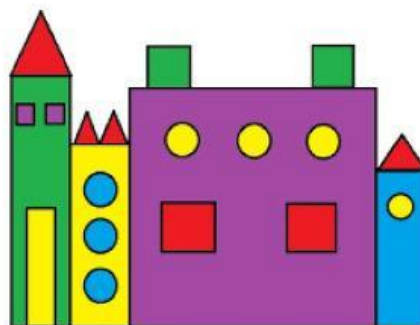
Bài 3. Tính:

- $0 + 5 = \dots$ $1 + 4 + 3 = \dots$
 $10 - 3 = \dots$ $9 - 6 - 2 = \dots$

Bài 4. Điền số thích hợp vào ô trống:

Hình bên có:

- ☐ Hình tam giác
☐ Hình tròn
☐ Hình vuông
☐ Hình chữ nhật



ĐỀ SỐ 3

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phép tính đúng là:

A. $7 - 5 = 3$

B. $4 + 4 = 9$

C. $10 - 9 = 1$

D. $5 - 3 = 1$

Câu 2. Trong các số từ 0 đến 10, số lớn nhất là số?

A. 10

B. 9

C. 1

D. 0

Câu 3. Dấu cần điền ở chỗ chấm của: $8 - 5 \dots 9 - 5$ là:

A. $<$

B. $>$

C. $=$

D. $+$

Câu 4. $10 - 2 - 3 = ?$

A. 6

B. 5

C. 4

D. 3

Câu 5. Hình dưới đây là khối?

A. Khối hộp chữ nhật

B. Khối lập phương



Câu 6. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

$4 + 5 - 2 = ?$

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính nhẩm:

$1 + 5 = \dots\dots$

$6 - 3 = \dots\dots$

$3 + 4 = \dots\dots$

$10 - 9 = \dots\dots$

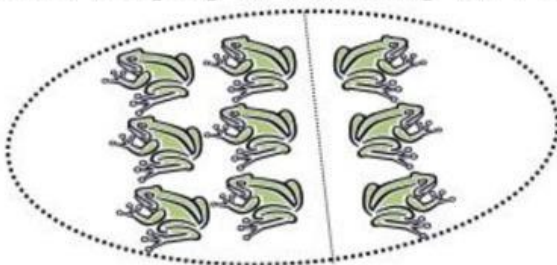
Bài 2. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 10; 0; 5; 7; 3; 2.

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $\dots\dots + 2 = 2 + 0$

b) $6 - \dots\dots = 6$

Bài 4. Viết phép tính thích hợp vào ô trống:



--	--	--	--	--

ĐỀ SỐ 4

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cho các số: 2; 3; 4;;; 7. Số cần điền ở chỗ chấm là:

- A. 5; 6 B. 4; 5 C. 6; 7 D. 7; 8

Câu 2. Tổ 1 có : 6 bạn.

Tổ 2 có : 4 bạn

Cả 2 tổ có : bạn?

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $5 + 0 - 1 = \dots$

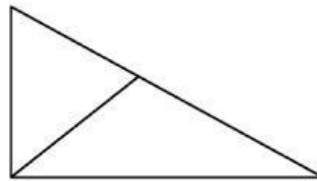
- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 4. Cho dãy số: 1; 3;; 7; 9. Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 5 B. 2 C. 4 D. 6

Câu 5. Hình bên có mấy tam giác?

- A. 2 B. 3
C. 4 D. 5



Câu 6. Kết quả của phép tính: $6 - 3 + 4$ là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Điền dấu $<$, $>$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

- | | | |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| $3 \dots 7$ | $6 \dots 2$ | $4 \dots 4$ |
| $1 + 2 \dots 4 - 2$ | $3 + 5 \dots 9 - 4$ | $3 + 1 \dots 5 + 2$ |

Bài 2. Tính:

- | | | |
|-----------------|-----------------|-----------------|
| $2 + 5 = \dots$ | $3 + 4 = \dots$ | $1 + 1 = \dots$ |
| $9 - 3 = \dots$ | $8 - 5 = \dots$ | $7 - 1 = \dots$ |

Bài 3. Số?

- | | | |
|-----------------|-----------------|-----------------|
| $1 + \dots = 5$ | $4 + \dots = 5$ | $9 - \dots = 3$ |
| $\dots + 1 = 3$ | $6 + \dots = 8$ | $\dots - 4 = 6$ |

Bài 4. Cho hình vẽ:

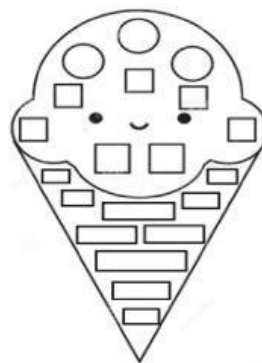
Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình bên có:

... hình chữ nhật

... hình tròn

... hình vuông



ĐỀ SỐ 5

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Kết quả của phép tính: $7 + 2 - 5$ là:

- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 2. Các số : 2; 8; 6; 10; 1. Được sắp xếp từ lớn đến bé là:

- A. 10; 8; 6; 2; 1 B. 10; 6; 8; 2; 1 C. 1; 2; 6; 8; 10 D. 2; 1; 6; 8; 10

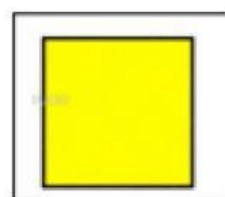
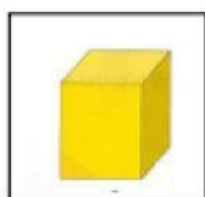
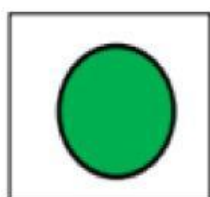
Câu 3. Số bé nhất có 2 chữ số là:

- A. 5 B. 1 C. 10 D. 12

Câu 4. Từ 0 đến 5 có tất cả bao nhiêu số?

- A. 6 B. 5 C. 4 D. 3

Câu 5. Hình vuông là hình nào trong các hình sau:



A. H1

B. H2

C. H3

D. H4

Câu 6. Cho các số: 2; 4;; 8; 10. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 6 B. 5 C. 4 D. 3

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính

$$7 + 3 = \dots$$

$$1 + 6 = \dots$$

$$4 + 5 - 2 =$$

$$8 - 5 = \dots$$

$$10 - 6 = \dots$$

$$9 - 4 + 2 =$$

Bài 2. Điền dấu $<$, $>$, $=$ vào chỗ chấm.

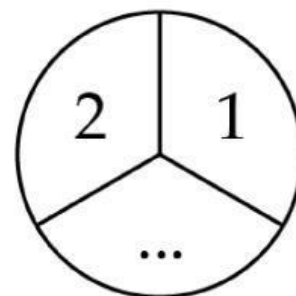
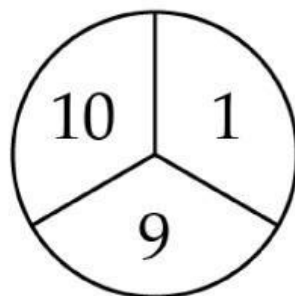
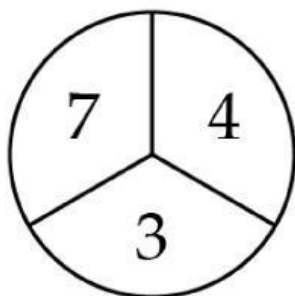
$$1 + 2 - 3 \dots 5$$

$$7 + 3 \dots 9$$

$$9 - 2 - 1 \dots 6$$

$$6 - 5 \dots 2$$

Bài 3. Điền số thích hợp:



Bài 4. Từ 3 số: 2; 7; 9 hãy lập các phép tính đúng trong phạm vi 10.